

Bản án số: 171/2026/HS-ST
Ngày 16-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Minh;
- Bà Bùi Thị Nhàn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 141/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2026/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2026 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 82/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Tuấn A, sinh năm 1990 tại Hải Phòng. Số CCCD: 031090009153. Nơi ĐKTT: Số H T, phường A, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B H, phường L, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức Q và bà Phạm Ánh N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 27/01/2026 đến ngày 03/02/2026 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1997 tại Hải Phòng. Số CCCD: 034197004155. Nơi ĐKTT: Số I N, phường L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số G Chung cư E, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Đoàn Thị M; có chồng Trần Đức T và có 03 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2024); tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 29/01/2026 đến ngày 03/02/2026 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Cao Mạnh Hiếu sinh năm 1987 tại Hải Phòng. Số CCCD: 031087015260.

Nơi ĐKTT: Số G L, phường N, Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số C tổ dân phố C, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Mạnh H và bà Nguyễn Thị Bích T1; chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Tú H1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 12 ngày 06/3/2013, Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/9/2018, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước ngày 24/5/2013; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 27/01/2026 đến ngày 03/02/2026 chuyển tạm giam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 27/01/2026, tại trước cửa số nhà A T, phường An H2, thành phố Hải phòng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H bắt quả tang Cao Mạnh H3 cất giấu chất ma túy, mục đích để bán. Vật chứng thu giữ: T2 tại lòng bàn tay phải của H3 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng (mẫu QT); 01 điện thoại di động Redmi. H3 khai nhận mua ma túy của Trần Tuấn A để mang bán cho người phụ nữ tên T3. Cùng ngày, Tuấn A đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận ma túy bán cho H3 là của Nguyễn Thị Mỹ L và giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus. Ngày 29/01/2026, Cơ quan điều tra giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với L, thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 11. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Tuấn A thu giữ: 01 hộp giấy bên trong có 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng (mẫu KX1) và chất tinh thể màu trắng (mẫu KX2); 01 hộp sắt màu nâu bên trong có 01 túi nilon chứa 06 đoạn ống nhựa màu xanh, dài 2,5cm, hàn kín hai đầu, bên trong các ống nhựa đều chứa tinh thể màu trắng (mẫu KX3); 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 200.000 đồng và 01 thẻ nhựa có chữ "Member Card" đều bám dính chất bột màu trắng (mẫu KX4); 01 đĩa sứ chứa chất bột màu trắng (mẫu KX5).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Mạnh H3, Nguyễn Thị Mỹ L không thu giữ đồ vật liên quan đến ma túy.

Kết luận giám định số 122 ngày 31/01/2026 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu QT là ma túy, có khối lượng 1,56 gam, loại Methamphetamine; Tinh thể màu trắng của mẫu KX1 là ma túy, khối lượng 0,66 gam, loại Ketamine; Tinh thể màu trắng của mẫu KX2 là ma túy, khối lượng 0,15 gam, loại Methamphetamine; Tinh thể màu trắng của mẫu KX3 là ma túy, khối lượng 1,2 gam, loại Methamphetamine; Chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền 200.000 đồng và thẻ nhựa của mẫu KX4 là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện cân xác định khối lượng; Chất bột màu trắng của mẫu KX5 là ma túy, khối lượng 0,05 gam, loại Ketamine; Các mẫu nước tiểu ghi tên Cao Mạnh H3 và Trần Tuấn A đều tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.; mẫu xét nghiệm nước tiểu ngày 29/01/2026 đối với Nguyễn Thị Mỹ L, kết quả dương tính với Methamphetamine.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 27/01/2026, người phụ nữ tên T3 (không rõ địa chỉ) gọi điện qua Z cho Cao Mạnh H3 hỏi mua 02 gam ma túy đá, H3 đồng ý bán với giá 2.200.000 đồng. H3 bảo T3 chuyển khoản trước 2.000.000 đồng và hẹn đến trước cửa số nhà A T, phường A để nhận ma túy. Sau đó, H3 gọi điện cho Trần Tuấn A hỏi mua 02 gam ma túy đá, Tuấn A bảo H3 chuyển khoản 2.000.000 đồng, hẹn qua nhà Tuấn A lấy ma túy. Sau khi chuyển tiền, H3 đến nhà Tuấn A nhận 01 túi ma túy đá, trên đường mang đến điểm hẹn để giao cho T3 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên. Trước đó, ngày 12/01/2026, H3 gọi điện cho Tuấn A hỏi mua 900.000 đồng ma túy đá, Tuấn A bảo Nguyễn Thị Mỹ L bán rồi đưa tài khoản ngân hàng của L cho H3 chuyển khoản. Sau đó, H3 đến nhà Tuấn A thì L đưa cho H3 01 túi ma túy đá. Nguồn gốc ma túy Tuấn A bán cho H3 là của người phụ nữ tên T3 (bạn của L không biết nhân thân, lai lịch), cho L (04 gam); L sử dụng một ít, còn lại đưa cho Tuấn A bán với giá 1.000.000 đồng/gam; Tuấn A được L cho sử dụng ma túy không phải trả tiền. Sau đó, Tuấn A mua thêm Ketamine của người đàn ông không quen biết để bán cùng ma túy đá.

Vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định; 02 vỏ đầu lọc và 01 thẻ nhựa của mẫu KX4; 01 đĩa sứ của mẫu KX5 cùng toàn bộ vỏ bao gói; 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 hộp giấy; 01 hộp sắt màu nâu; 03 điện thoại di động, Cơ quan điều tra tiếp tục quản lý.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày thống nhất về hành vi như trên; đồng ý với nội dung các Kết luận giám định và xét nghiệm, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Cáo trạng số 94/CT-VKSKV2 ngày 17/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng truy tố Trần Tuấn A, Nguyễn Thị Mỹ L, Cao Mạnh H3 về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Tuấn A, L vi phạm điểm b khoản 2 Điều 251, H3 vi phạm khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự (BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của BLHS xử phạt bị cáo Trần Tuấn A và Nguyễn Thị Mỹ L mỗi bị cáo từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Cao Mạnh H3 từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù; áp dụng khoản 5 Điều 251 của BLHS phạt tiền mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để nộp sung quỹ Nhà nước; về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 02 vỏ đầu lọc và 01 thẻ nhựa; 01 đĩa sứ cùng toàn bộ vỏ bao gói; 01 hộp giấy; 01 hộp sắt màu nâu; tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 03 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo; số tiền 1.000.000 đồng của Tuấn A bán ma túy cho H3 và số tiền 1.900.000 đồng L có được do bán ma túy cho H3 buộc các bị cáo phải nộp lại để sung công quỹ nhà nước.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

[2.1] Hành vi ngày 12/01/2026 và ngày 27/01/2026, tại số B H, phường L, thành phố Hải Phòng, Trần Tuấn A và Nguyễn Thị Mỹ L đã 02 lần bán trái phép ma túy Methamphetamine cho Cao Mạnh H3 với số tiền 2.900.000 đồng. Với hành vi này, các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, vi phạm tình tiết định khung Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS.

[2.2] Hành vi ngày 27/01/2026, Cao Mạnh H3 mang theo 1,56gam Methamphetamine để bán cho người phụ nữ tên T3 với số tiền 2.000.000 đồng là phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 của BLHS.

[2.3] Như vậy, Cáo trạng số 94/CT-VKSKV2 ngày 17/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng truy tố các bị cáo là đúng pháp luật. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hành vi đã thực hiện.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật về phòng chống ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, đạo đức, lối sống, văn hóa và sức khỏe của người khác. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo H3 năm 2013 đã bị đưa ra xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện nhân thân xấu. Các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo Tuấn A đầu thú, bị cáo L đang nuôi 3 con nhỏ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Về hình phạt: Vụ án có vai trò đồng phạm của bị cáo L và bị cáo Tuấn A đối với hành vi bán ma túy cho H3 nên cần phân hóa vai trò của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Xem xét toàn diện thấy vai trò đồng phạm của các bị cáo là giản đơn nên xác định vai trò các bị cáo là như nhau. Vì vậy cần xử phạt bị cáo L và bị cáo Tuấn A mức án bằng nhau như mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp; xử phạt bị cáo H3 mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251 của BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Xét tính chất, hành vi phạm tội, loại tội phạm bị cáo thực hiện cũng như điều kiện thi hành án; cần phạt tiền mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để nộp sung quỹ Nhà nước.

[6] Về vật chứng gồm: Số ma túy còn lại sau giám định là vật chứng vụ án; 02 vỏ đầu lọc và 01 thẻ nhựa; 01 đĩa sứ cùng toàn bộ vỏ bao gói; 01 hộp giấy; 01 hộp sắt màu nâu bị cáo Tuấn A dùng để sử dụng ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy; tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng bị cáo Tuấn A dùng để sử dụng ma túy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi thu giữ của H3, 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus thu giữ của Tuấn A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng của Nguyễn Thị Mỹ L dùng liên lạc mua bán ma túy và chuyển khoản nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; số tiền 1.000.000 đồng của Tuấn A bán ma túy cho H3 ngày 27/01/2026 và số tiền 1.900.000 đồng L có được do bán ma túy cho H3 12/01/2026 và ngày 27/01/2026 buộc các bị cáo phải nộp lại để sung công quỹ nhà nước.

[7] Về những vấn đề khác trong vụ án: Người phụ nữ tên T3 mua ma túy của H3; người tên T3 cho L ma túy đá và người đàn ông bán Ketamine cho Tuấn A, đều chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau là có căn cứ. Đối với hành vi sử dụng chất ma túy của các bị cáo; do không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức cũng như Tội sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Thị Mỹ L; căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Mạnh H3.

Tuyên bố:

+ Các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Thị Mỹ L, Cao Mạnh H3 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

+ Bị cáo Trần Tuấn A 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27/01/2026.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 29/01/2026.

+ Bị cáo Cao Mạnh H3 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27/01/2026.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự phạt tiền các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Thị Mỹ L, Cao Mạnh H3 mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để nộp sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 02 vỏ đầu lọc và 01 thẻ nhựa, 01 đĩa sứ cùng toàn bộ vỏ bao gói, 01 hộp giấy, 01 hộp sắt màu nâu; tịch thu sung quỹ Nhà nước tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus của bị cáo Trần Tuấn A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L, 01 điện thoại di động Redmi của Cao Mạnh H3; buộc bị cáo Trần Tuấn A phải nộp lại số tiền 1.000.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp lại số tiền 1.900.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Thị Mỹ L, Cao Mạnh H3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Phòng PV 06, PC 10 CATP Hải Phòng;
- CQĐT CATP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

